

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22 -12-2022

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Long Thị Nét.

2. Bà Hoàng Thị Bằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Biền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị L; Sinh năm 1976;

Địa chỉ: Xóm BS, xã BĐ, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

2. *Bị đơn:* Trần Văn Đ; Sinh năm 1973;

Địa chỉ: Xóm BS, xã BĐ, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

(Cả nguyên đơn và bị đơn Đu Đ nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2022 của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 1992 bà L và ông Đ tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị P, sinh ngày 30/10/1993 và Trần Tiến T, sinh ngày 21/11/2001 (Hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành). Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, dẫn đến đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ. Về con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* *Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện:* Ông Đ thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà L về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ông Đ xác định không muốn tiếp tục sống chung với bà L, nên đồng ý ly hôn. Về con chung đã đủ tuổi trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà Trần Thị L và ông Trần Văn Đ không có quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng nên Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn” là đúng theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét về yêu cầu và ý kiến của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy bà L và ông Đ tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng bà L và ông Đ không đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân giữa bà L và ông Đ là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về con chung: Hiện nay hai con chung giữa bà L và ông Đ đã đủ tuổi trưởng thành nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà L và ông Đ xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không có vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Trần Văn Đ.

2.2. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, để sung ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên Li thu tiền số 0003655 ngày 18/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

2.3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã BĐ, Hòa An;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lục Thanh Hải